

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HSST

Ngày 10-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Minh Thiết, ông Giáp Đức Sơn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh BG tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 89/2020/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 đối với:

* **Bị cáo:** **Nguyễn Duy H**, sinh năm 1994. ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã X, huyện LG, tỉnh BG; tên gọi khác: Không có. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1967, con bà Phạm Thị T, sinh năm 1973; có vợ là Mã Thị L, sinh năm 1997 (*đã L hôn*); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018.

- Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/8/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện LG - Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1963 – Vắng mặt tại phiên tòa

Địa chỉ: Thôn Cao Thượng, xã Tân H, huyện LG, tỉnh BG

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Đức Lu, sinh năm 1970 – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Liên Hòa, xã X, huyện LG, tỉnh BG.

2. Anh Vũ Văn K1, sinh năm 1982 - Vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn Kp, huyện LG, tỉnh BG.

* **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Đức Thủy, sinh năm 1977 – Vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn Liên Hòa, xã X, huyện LG, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy H, sinh năm 1994 ở thôn Q, xã X, huyện LG (là đối tượng nghiện ma túy) và ông Phạm Văn C, sinh năm 1963 ở thôn Cao Thượng, xã Tân H, huyện LG cùng làm thợ xây tại công trình xây dựng của gia đình bà Nguyễn Thị Dư, sinh năm 1975 ở cùng thôn với H. Khoảng 08 giờ ngày 08/7/2020, khi H và ông C đang làm tại nhà bà Dư, do không có tiền mua ma túy để sử dụng nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS, màu đỏ, BKS 98N5-7860 của ông C để bán lấy tiền mua ma túy. H hỏi mượn xe máy của ông C, nói dối là để đi ăn sáng, ông C tin tưởng nên đã đồng ý. Sau đó, H điều khiển chiếc xe máy BKS 98N5-7860 của ông C đến nhà anh Vũ Văn K1, sinh năm 1982 ở Khu 3, thị trấn Kp, huyện LG cầm cố vay số tiền 4.000.000đ. H đã dùng số tiền trên để mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi cho H mượn xe, đến cuối ngày không thấy H mang xe trả, ông C không liên lạc được với H nên đã làm đơn trình báo Công an giải quyết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 83 ngày 07/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện LG kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS, màu đỏ, BKS 98N5-7860 có giá 6.500.000đ.

Ngày 22/8/2020, anh Nguyễn Đức Lu, sinh năm 1970 ở thôn Liên Hòa, xã X, huyện LG là chủ cai xây dựng của H và ông C đã đứng ra chuộc chiếc xe máy BKS 98N5-7860 từ anh K1 với số tiền là 5.000.000đ để trả cho ông C.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Duy H đã thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, mục đích chiếm đoạt chiếc xe là để đem cầm lấy tiền tiêu cái cá nhân. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 87/KSĐT ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LG đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX : Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường dân sự cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy H đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có tranh luận gì.

Bị hại ông Phạm Văn C vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức Lu vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt) nH trong quá trình điều tra vụ án anh Lu

có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng là tiền anh Lu bỏ ra để chuộc xe về cho ông C.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội để nuôi dạy con cái

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện LG, Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên đã có lời khai đầy đủ của những người này trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra. Bị cáo thừa nhận do có ý định chiếm đoạt tài sản của ông Phạm Văn C từ trước. Khoảng 08 giờ ngày 08/7/2020, tại nhà bà Nguyễn Thị Dư, sinh năm 1975 ở thôn Q, xã X, huyện LG, bị cáo đã có hành vi hỏi mượn xe máy nhãn hiệu Honda Wave RS, màu đỏ, BKS 98N5-7860, trị giá 6.500.000đ của ông C nói dối để đi ăn sáng. Sau khi mượn được xe, bị cáo đã đem đến nhà anh Vũ Văn K1 cầm cố vay số tiền 4.000.000đ. Hành vi trên của Nguyễn Duy H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4]. Xét về tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an ninh, xã hội tại địa phương. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, là người có đủ năng lực nhận thức được việc bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật NH chỉ muốn tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, cần bắt bị cáo phải cách L xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu,

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự do đó xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nghiện ma túy, hoàn C kinh tế khó khăn nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Đối với Vũ Văn K1, khi nhận cầm cố chiếc xe máy BKS 98N5-7860, K1 không biết đó là tài sản do H trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Phạm Văn C đã nhận lại tài sản do hành vi bị cáo đã thực hiện lừa đảo, không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Đức Lu đã dùng số tiền 5.000.000 đồng để chuộc lại xe cho bị cáo để bị cáo trả lại xe cho ông C, anh Lu có yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu.

[8]. Do bị cáo đang bị tạm giam nên cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án theo quy định Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 260, khoản 1 Điều 268, Điều 292, Điều 331, Điều 332, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Căn cứ vào các Điều 357, 468, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/8/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Duy H phải bồi thường cho anh Nguyễn Đức Lu số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Duy H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Minh Thiết + Giáp Đức Sơn

Vũ Thị Thiêm

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- Sở Tư pháp tỉnh BG;
- VKSND huyện LG;
- Công an huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

Vũ Thị Thiêm